

Bản án số: 121/2026/DS-PT

Ngày: 11 - 02 - 2026

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr và bà Lê Thị Thanh Huyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nữ Hoàng Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:** Bà Trần Thị Xuân Linh Byă
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 421/2025/TLPT-DS ngày 10/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 537/2025/QĐ-PT ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Hồ Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số A đường P, phường G, TP Hồ Chí Minh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Ngô Tiến Đ, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số A N, phường C, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

+ Ông Phạm Thanh T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số C đường D, phường H, TP Hồ Chí Minh, có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Phan Gia H, sinh năm 1960 và bà Đậu Thị H1.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã E, tỉnh Đắk Lắk, ông H có mặt, bà H1 vắng mặt.

3. **Người làm chứng:** Ông Phan H2

Địa chỉ: Thôn P, xã I, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn ông Phan Gia H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Thông qua làm ăn, ông L quen biết với vợ chồng ông H, bà H1. Đầu năm 2023, ông H, bà H1 liên hệ vay ông L số tiền 1,5 tỷ đồng nhằm mục đích chuyển nhượng các lô K34A, K 34B, K48A, K48B tại chợ P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để kinh doanh. Ngày 29/5/2023, ông L cùng vợ chồng ông H ký Hợp đồng vay tiền và có công chứng số 1720, theo đó đồng ý vay của ông L số tiền 1.500.000.000 đồng. Trong đó 1 tỷ đồng giao tiền mặt còn 500 triệu đồng chuyển vào tài khoản đứng tên ông H tại Ngân hàng N. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 29/5/2023 đến ngày 29/11/2023. Lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

Sau khi nhận tiền, ông H đã làm thủ tục để được Công ty TNHH Đ1 cấp giấy xác nhận điểm kinh doanh các lô K34A, K 34B, K48A, K48B tại chợ P mới, đồng thời ông H cam kết các kiot trên là tài sản bảo đảm cho hợp đồng vay ngày 29/5/2023. Khi đến hạn thanh toán, mặc dù có điều kiện nhưng vợ chồng ông H xin dời lịch trả nợ. Do vậy ngày 21/12/2023 hai bên ký hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 29/5/2023. Theo đó thời hạn trả tiền gốc và lãi hai bên thay đổi đến hạn ngày 21/6/2024 sẽ trả. Tuy nhiên đã quá hạn thanh toán, mặc dù nhiều lần ông L liên hệ nhưng ông H, bà H1 không thanh toán như cam kết. Vì vậy ông L làm đơn khởi kiện yêu cầu:

1. Buộc vợ chồng ông H, bà H1 phải trả số nợ gốc là 1.500.000.000 đồng.
2. Yêu cầu ông H, bà H1 trả tiền lãi với mức 20%/năm trong thời hạn 01 năm tương đương 300.000.000 đồng.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Ông H thừa nhận việc vợ chồng ông có ký tên vào các hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2023 và hợp đồng sửa đổi hợp đồng ngày 21/12/2023, các hợp đồng trên đã được Công chứng tại Văn phòng C số 1720 và số 4681 vào năm 2023. Tuy nhiên, về bản chất thực tế hai bên giao kết không phải là quan hệ vay tiền mà quan hệ hợp tác đầu tư. Theo đó ông L mua cổ phần của công ty ông Phan H2 từ công ty M do ông H2 làm giám đốc. Công ty M nhờ ông H viết dự án và làm thủ tục pháp lý cho công ty M. Ông L yêu cầu nếu ông H đứng ra làm thủ tục pháp lý cho công ty M thì ông H phải đảm bảo bằng cách ký vào giấy vay tiền. Sau khi hoàn thiện tất cả thủ tục công ty thì ông L trả thủ lao cho ông H, đồng thời thanh lý hợp đồng vay tiền đã ký. Ông H đã đồng ý thỏa thuận này nên ông H và vợ là bà H1 đã ký vào các giấy vay tiền ngày 29/5/2023 và ngày 21/12/2023. Ông H sau đó thực hiện các thủ tục pháp lý nhưng chưa có quyết định của UBND tỉnh Đ. Theo ông H thì việc ông và vợ là bà H1 ký tên vào các hợp đồng vay tiền là do ông L ngay từ đầu đã lợi dụng lòng tin của vợ chồng ông để đưa ra thỏa thuận về việc ký giấy vay tiền 1,5 tỉ đồng. Ông H và vợ là bà H1 đồng ý trả lại cho ông L số tiền 1,5 tỷ đồng chỉ khi ông L chuyển thủ tục pháp lý để ông H hoặc gia đình ông H trở thành đại diện theo pháp luật và nắm quyền chi phối công ty M hiện đang do ông L làm giám đốc. Về tiền lãi suất ông H không đồng ý trả cho ông L.

Đối với vấn đề thỏa thuận hợp tác đầu tư liên quan đến công ty M thì ông H và ông L chỉ thỏa thuận miệng, không có văn bản, giấy tờ nào.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L. Buộc ông Phan Gia H và bà Đậu Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Văn L số tiền 1.650.000.000 đồng (*Một tỉ sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

2. Về án phí dân sự: Buộc bà Đậu Thị H1 phải chịu 30.750.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Phan Gia H được miễn nộp tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn L phải chịu 7.500.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 33.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo (Nay là Phòng THADS vực 9), theo biên lai số AA/2023/0002424, ngày 25/10/2024. Trả lại cho Hồ Văn L số tiền 25.500.000 đồng theo biên lai trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 05/8/2025, bị đơn ông Phan Gia H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Gia H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Phan Gia H làm trong hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phan Gia H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều thừa nhận nội dung vào ngày 29/5/2023, ông L cùng ông H, bà H1 ký Hợp đồng vay tiền, hợp đồng vay tiền đã được công chứng tại Văn phòng C1 thể hiện ông L cho ông H, bà H1 vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày 29/5/2023 đến ngày 29/11/2023. Lãi suất tính theo quy định của pháp luật. Đến ngày 21/12/2023 hai bên thỏa thuận ký hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2023. Theo đó thời hạn trả tiền gốc và lãi hai bên thay đổi đến ngày 21/6/2024 là thời hạn sẽ trả. Đồng thời, bị đơn thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay. Như vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không đồng ý với khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng mục đích vay tiền là hợp tác đầu tư và chỉ đồng ý trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông L khi ông L chuyển thủ tục pháp lý để ông H hoặc gia đình ông H trở thành đại diện theo pháp luật và nắm quyền chi phối công ty M. Xét thấy, tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông H, bà H1 đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của ông H như trên.

Xét thấy, việc bị đơn không trả được nợ khi đến hạn như cam kết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc ông H, bà H1 trả nợ số tiền 1.500.000.000 đồng cho nguyên đơn là có căn cứ.

Về lãi suất: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L yêu cầu ông H, bà H1 trả lãi suất theo quy định của pháp luật đối với số tiền vay là 1.500.000.000 đồng. Cụ thể là yêu cầu trả tiền lãi với mức 20%/năm trong thời hạn 01 năm tương đương 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại hợp đồng vay tiền ngày 29/5/2023 các bên không có thỏa thuận cụ thể lãi suất. Do các đương sự không có thỏa thuận rõ về lãi suất nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ về lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.* Như vậy mức lãi suất được tính như sau: Khoản vay 1.500.000.000 đồng: Thời gian tính lãi nguyên đơn yêu cầu là 1 năm tương đương với 12 tháng. Tiền lãi suất là: 1.500.000.000 đồng x 10%/năm x 12 tháng = 150.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không đưa ra được căn cứ pháp lý mới để chứng minh bản án sơ thẩm có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật hoặc đánh giá chứng cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Gia H. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2025/DS-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 là phù hợp.

[3] Về án phí: Ông Phan Gia H thuộc trường hợp được miễn án phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Phan Gia H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2025/DS-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L. Buộc ông Phan Gia H và bà Đậu Thị H1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Hồ Văn L số tiền 1.650.000.000 đồng (*Một tỉ sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Buộc bà Đậu Thị H1 phải chịu 30.750.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Phan Gia H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Hồ Văn L phải chịu 7.500.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 33.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea H'Leo (Nay là Phòng THADS vực 9), theo biên lai số AA/2023/0002424, ngày 25/10/2024. Trả lại cho Hồ Văn L số tiền 25.500.000 đồng theo biên lai trên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc Thẩm – TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 9;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Duy Tuấn